

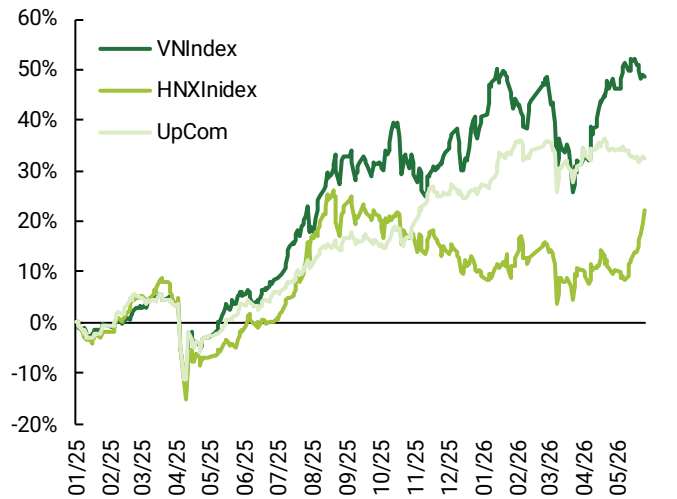
**VN-Index** **1884.18 (-0.10%)**  
785 Tr. cổ phiếu 19812.8 Tỷ VND (4.16%)

**HNX-Index** **278.15 (2.34%)**  
84 Tr. cổ phiếu 1443.2 Tỷ VND (46.65%)

**UPCOM-Index** **126.05 (-0.05%)**  
26 Tr. cổ phiếu 410.8 Tỷ VND (-12.93%)

**VN30F1M** **2033.00 (0.52%)**  
162,233 HD OI: 32,687 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1884.2, giảm -1.9 điểm (-0.10%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với mặt bằng chung cổ phiếu dù chỉ số đóng cửa ở mức đỏ. Nhóm Vingroup hạ nhiệt gây sức ép đáng kể lên VN-Index, trong khi dòng tiền tại các nhóm ngành bắt đầu thích ứng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: MBB (+2.8%), ACB (+5.3%), VAB (+6.9%) | Dịch vụ tài chính: SSI (+2.0%), CTS (+2.3%), VND (+2.8%) | Tài nguyên Cơ bản: NKG (+1.4%), HSG (+2.0%), DHC (+2.4%) | Xây dựng và Vật liệu: NHA (+1.7%), PC1 (+1.8%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VHM (-3.1%), VIC (-2.6%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (-1.5%), VHC (-0.8%) | Bảo hiểm: BVH (-1.3%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | ACB, VCB, MBB, VPB, BID - Chiều giảm | VIC, VHM, GEE, SAB, STB

Khối ngoại Bán ròng hơn 900 tỷ, tập trung nhiều ở MSB, HPG, VIC, trong khi mua ròng: PDR, ACB, SSI.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** thu hẹp biên độ dao động và đóng cửa với nến Hammer. Thanh khoản tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì dưới mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng. Về kỹ thuật, các chỉ báo động lượng chưa ghi nhận sự cải thiện rõ ràng. Tuy nhiên, RSI đã giảm về gần ngưỡng trung bình 50, đây thường là vùng để tái cân bằng. Lực cầu có khả năng hấp thụ cung bán tại hỗ trợ, nên vận động sẽ tiếp tục nghiêng về rung lắc kiểm định thêm vùng 1860 - 1890 điểm. Điểm tích cực là độ rộng thị trường có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên, cần tiếp tục được duy trì trong các phiên tới.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số bút phá thành công kháng cự 270 và thanh khoản đã cải thiện hơn. Mục tiêu hướng tới khu vực đỉnh cũ 286 điểm. Dù vậy, vận động có thể hạ nhiệt củng cố lại đà, khi RSI đang đạt mức quá mua cao.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về nắm giữ với tỷ trọng trung bình, đồng thời theo dõi thêm diễn biến thị trường và chờ tín hiệu xác nhận rõ ràng hơn từ dòng tiền. Hạn chế tâm lý hưng phấn trước các nhịp bật tăng ngắn hạn, khi xu hướng chưa thực sự được củng cố. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Chứng khoán, Thép.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi TCX (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,884.2 ▼	-0.1%	-1.5%	1.7%	19,812.8 ▲	4.2%	-38.9%	2.3%	785.4 ▲	5.2%	-22.2%	16.5%
HNX-Index	278.2 ▲	2.3%	7.2%	10.4%	1,443.2 ▲	46.7%	-14.2%	12.6%	84.5 ▲	59.6%	4.2%	13.1%
UPCOM-Index	126.1 ▼	0.0%	-0.1%	-1.2%	410.8 ▼	-12.9%	-63.2%	-33.5%	26.2 ▼	-10.4%	-55.3%	-44.9%
VN30	2,027.9 ➡	0.3%	0.0%	0.8%	11,274.5 ➡	1.0%	-42.0%	-1.4%	306.9 ▲	7.1%	-31.0%	1.3%
VNMID	2,200.4 ➡	0.8%	-1.9%	-0.3%	6,787.0 ➡	0.8%	-40.6%	3.1%	333.1 ▼	-3.7%	-31.5%	13.7%
VNSML	1,370.2 ➡	0.3%	-0.8%	-2.7%	1,020.4 ▲	51.4%	20.6%	11.4%	64.7 ▲	21.4%	17.1%	0.5%
<b>Theo ngành (VNINDEX)</b>												
Ngân hàng	662.0 ▲	1.4%	0.96%	4.0%	6,406.6 ▼	-2.87%	-10.4%	16.0%	298.4 ▼	-8.8%	-7.0%	30.8%
Bất động sản	987.0 ▼	-2.2%	-3.2%	2.7%	3,343.9 ▼	-13.3%	-22.7%	-22.3%	126.3 ▲	55.0%	-3.7%	0.7%
Dịch vụ tài chính	317.3 ➡	0.8%	0.8%	1.7%	2,453.3 ▲	58.2%	-10.1%	5.5%	109.9 ▲	47.6%	-13.0%	2.9%
Công nghiệp	284.0 ▼	-0.6%	-5.7%	6.6%	778.1 ▼	-12.5%	-28.5%	-40.6%	25.6 ▼	-8.5%	-19.3%	-31.4%
Tài nguyên cơ bản	534.6 ➡	0.7%	2.1%	0.2%	744.3 ▼	-6.2%	-20.0%	-7.2%	38.9 ▲	3.7%	-9.2%	11.8%
Xây dựng - Vật Liệu	172.1 ➡	0.0%	-0.9%	-2.9%	701.9 ▲	3.1%	-33.7%	-40.5%	37.8 ➡	1.0%	-30.6%	-32.0%
Thực phẩm	491.3 ▼	0.0%	-6.6%	-24.4%	730.2 ▼	-29.8%	-34.2%	-31.5%	16.5 ▼	-31.6%	-38.1%	-32.5%
Bán Lẻ	1,452.7 ➡	0.1%	0.2%	-5.9%	520.9 ▲	17.0%	-31.6%	-25.9%	7.9 ▲	34.0%	-26.3%	-15.3%
Công nghệ	401.7 ▲	1.3%	0.0%	1.2%	453.6 ▼	-44.7%	-57.4%	-47.6%	11.5 ▼	-4.3%	-27.7%	-13.2%
Hóa chất	184.6 ▲	1.6%	-3.0%	2.5%	252.8 ▼	-39.6%	-51.7%	-57.5%	7.9 ▼	-36.2%	-45.7%	-52.2%
Tiện ích	765.4 ➡	0.4%	-2.4%	3.6%	213.2 ▼	-48.2%	-46.7%	-55.6%	9.8 ▼	-38.3%	-34.3%	-49.6%
Dầu khí	113.0 ➡	0.9%	-7.0%	7.7%	369.8 ▼	-58.7%	-53.8%	-55.9%	12.0 ▼	-58.0%	-51.1%	-54.5%
Dược phẩm	414.6 ▼	-0.1%	-0.2%	0.2%	149.9 ▲	48.7%	64.4%	146.3%	4.2 ▼	-48.9%	10.4%	61.7%
Bảo hiểm	108.0 ▼	-1.0%	-2.1%	-1.5%	64.8 ▲	104.5%	12.3%	13.5%	2.3 ▲	249.7%	68.7%	99.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,884.2 ▼	-0.10%	5.6%	15.4x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,553 ▬	0.20%	23.3%	15.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,130 ▼	-1.23%	-29.1%	14.6x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,616 ▼	-0.51%	2.5%	16.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,963 ▼	-0.77%	-1.5%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,145 ▼	-0.17%	4.4%	19.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,599 ▼	-0.03%	-0.1%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,996 ▼	-0.25%	29.1%	24.0x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,473	-	9.2%	27.4x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	50,580	-	5.2%	25.9x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,539 ▬	0.69%	6.1%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,093 ▼	-0.71%	5.2%	17.5x	2.5x
DXY		99.0 ▼	-0.22%	0.7%		
USDVND		26,346 ▼	-0.04%	0.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

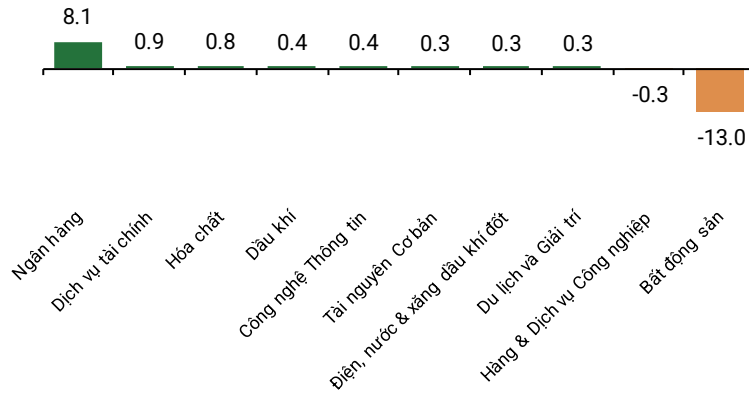
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	2.48%	-6.5%	61.9%	52.2%
Dầu WTI	▼	-4.63%	-2.4%	60.4%	49.7%
Khí gas	▬	0.7%	16.0%	-20.6%	-12.2%
Than cốc (*)	▲	3.2%	6.7%	10.4%	21.4%
Thép HRC (*)	▼	-0.8%	1.8%	4.9%	4.8%
PVC (*)	▼	-0.3%	-6.0%	5.6%	-0.9%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-13.9%	79.8%	91.5%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.4%	4.9%	23.5%	31.3%
Bông Cotton	▬	0.7%	1.2%	21.3%	17.9%
Đường	▼	-1.0%	4.5%	-3.1%	-15.8%
World Container Index	▬	0.0%	21.5%	22.5%	19.1%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	-22.3%	65.7%	127.1%
Vàng	▼	-0.89%	-3.8%	4.9%	35.5%
Bạc	▼	-2.37%	0.7%	6.4%	127.6%

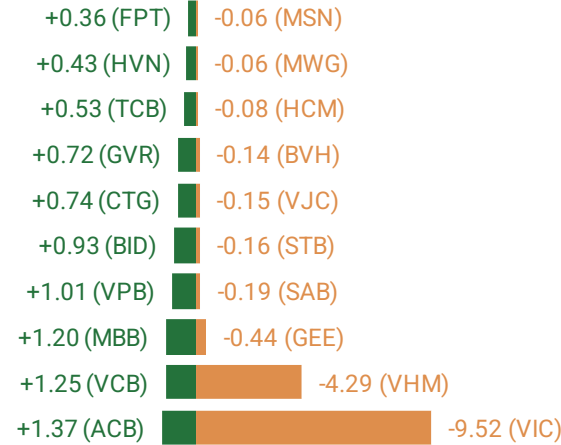
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

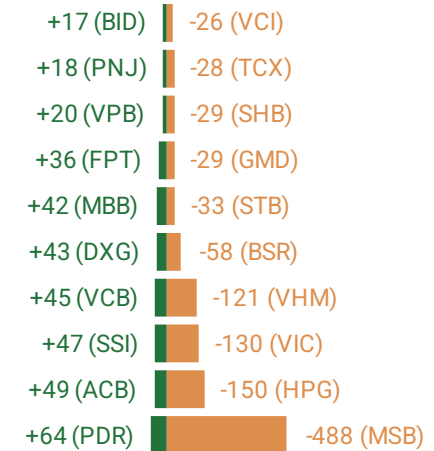
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



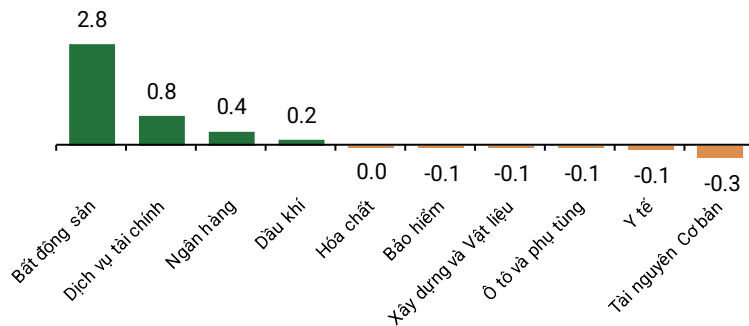
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



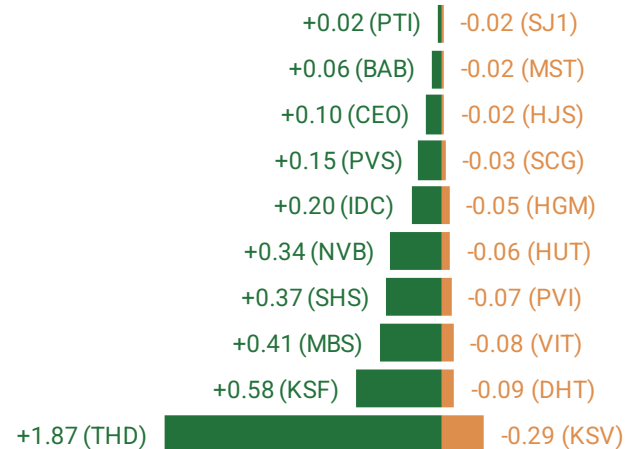
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



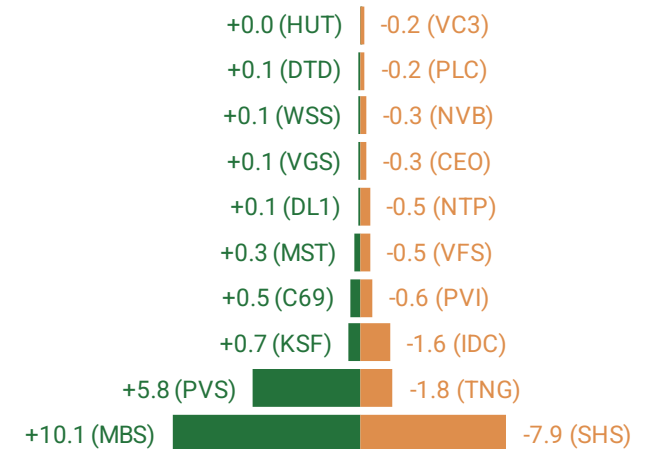
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



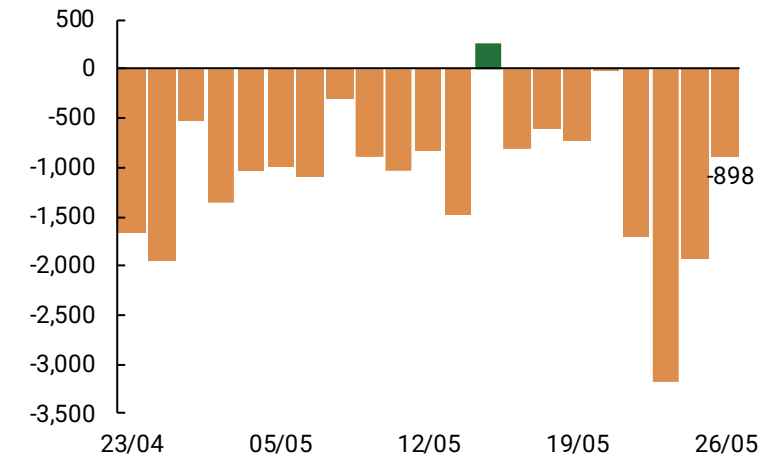
	ACB	SHB	PDR	SSI	VIC
%DoD	5.3%	0.7%	6.9%	2.0%	-2.7%
Giá trị	1,439	648	639	532	516

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	MSB	SJS	HCM	VPI
%DoD	-0.7%	1.4%	0.0%	-1.2%	-0.3%
Giá trị	2,110	708	208	203	200

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



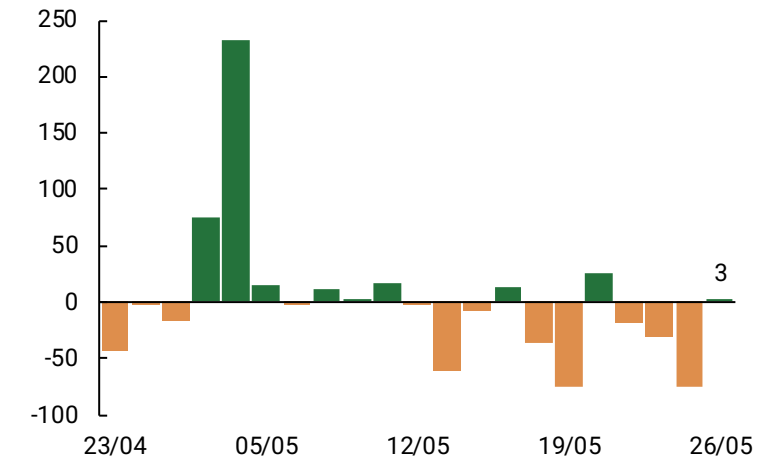
	SHS	CEO	MBS	PVS	IDC
%DoD	4.0%	1.8%	3.6%	1.3%	2.1%
Giá trị	568	183	141	63	54

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	S99	HUT	DNP	PVI	C69
%DoD	0.0%	-0.6%	0.0%	-0.6%	-0.6%
Giá trị	30	22	22	22	12

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1850.
- ✓ Kháng cự: 1910 | 1950.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI giảm về gần ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

**Kịch bản:** Chỉ số quay lại kiểm định vùng 1860 – 1890 phù hợp kỳ vọng. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì mức thấp sẽ củng cố cho trạng thái cân bằng sớm được xác lập. Ngưỡng duy trì động lượng quanh mốc 1850 điểm, vận động lùi về dưới mức này sẽ gia tăng khả năng tiếp tục điều chỉnh về vùng tâm lý 1800 điểm. Ngược lại, đà tăng được xác nhận khi chỉ số quay lại trên ngưỡng 1915 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1970 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2060 | 2120.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI giảm về gần ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

**Kịch bản:** Vận động tiếp tục nghiêng về củng cố thêm vùng 2000 – 2050 điểm. Đà tăng được xác nhận khi VN30 bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 2060. Trái lại, vận động thoái lui dưới ngưỡng 1995 điểm sẽ gia tăng khả năng kiểm định vùng hỗ trợ thấp hơn quanh 1950 – 1970 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>TCX</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>43.35</b>	P/E (x)	16.2
Exchange	HOSE		Watch zone	<b>42 - 42.5</b>	P/B (x)	2.2
Sector	Investment Services		Target price	48	EPS	2668.4
			Cut loss price	40	ROE	14.4%
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Large	



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

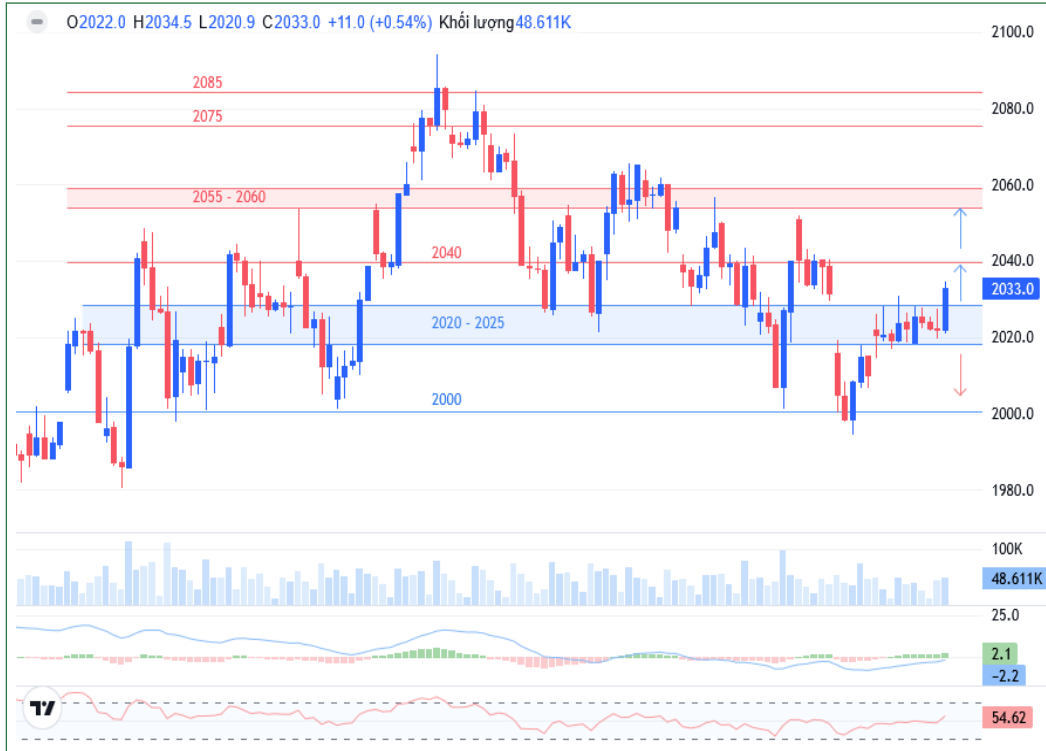
- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện lên miền dương, trong khi RSI cũng tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định vùng 42 – 42.5.

**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCX	Theo dõi	27/05/2026	43.35	42 - 42.5	-	48	13.6%	40	-5.3%	

**Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.5	25.9 - 26.1	-1.9%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	PVI	Mua	18/05/2026	-	77.5	80 - 80.5	-3.4%	88	9.7%	75.5	-5.9%	
3	SHS	Mua	19/05/2026	-	18.4	17.7 - 17.9	3.4%	19.5	9.6%	16.8	-5.6%	
4	SAB	Mua	22/05/2026	-	47.2	47.8 - 48.2	-1.7%	53	10.4%	45.5	-5.2%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2033, tăng 10.6 điểm (+0.5%). Giá đi ngang lưỡng lự trong phiên sáng nhưng lực cầu đã cải thiện vào cuối phiên chiều, thúc đẩy sắc xanh.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng cải thiện. Dù vậy, khu vực 2030 – 2035 là cản ngắn hạn, có thể xuất hiện rung lắc. Vị thế Long cân nhắc khi giá hạ nhiệt kiểm định tốt vùng 2026 – 2030, hoặc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 2042. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2016.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1957.7, tăng 8.5 điểm (+0.4%). Độ lệch basis 4.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 20 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1950 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1970 điểm.

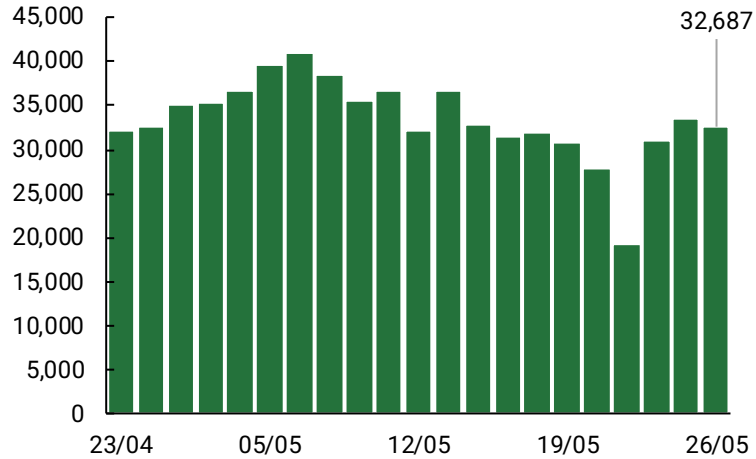
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2028	2040	2020	12 : 8
Long	> 2042	2058	2032	16 : 10
Short	< 2016	2004	2024	12 : 8

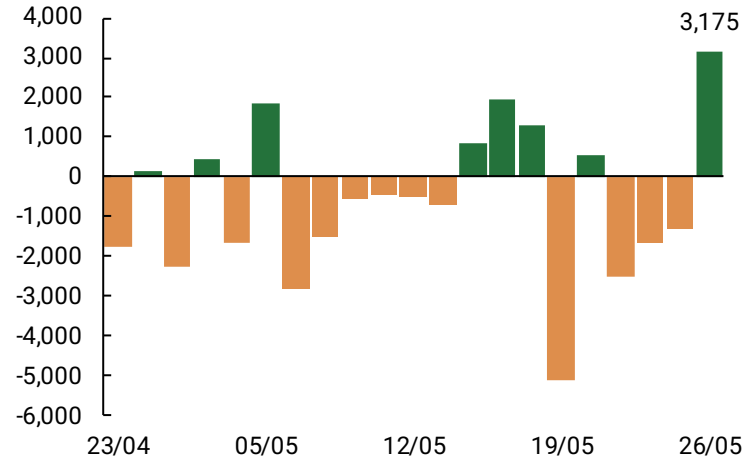
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,030.0	12.0	21	95	2,045.2	-15.2	17/12/2026	205
4111G9000	2,030.0	5.2	24	383	2,037.5	-7.5	17/09/2026	114
4111G7000	2,031.2	9.8	156	181	2,032.2	-1.0	16/07/2026	51
4111G6000	2,033.0	10.6	162,233	32,687	2,029.8	3.2	18/06/2026	23
4112G6000	1,957.7	8.5	20	20	1,958.7	-1.0	18/06/2026	23

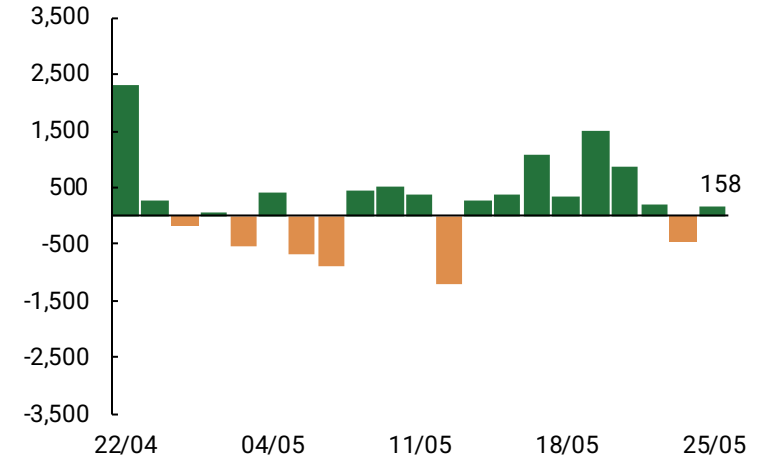
### Khối lượng mở (Open interest)



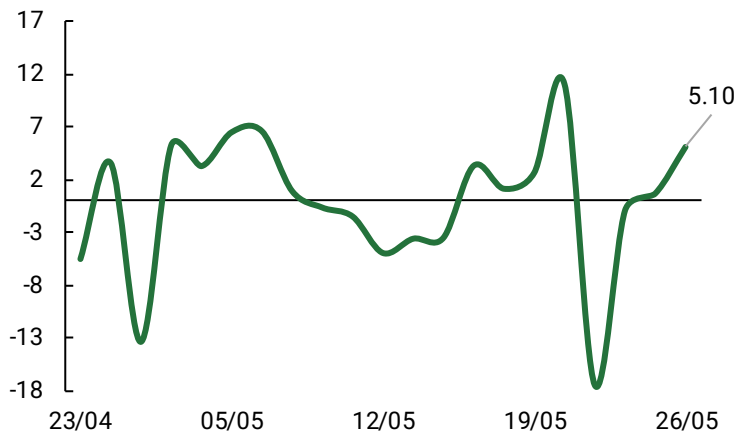
### Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



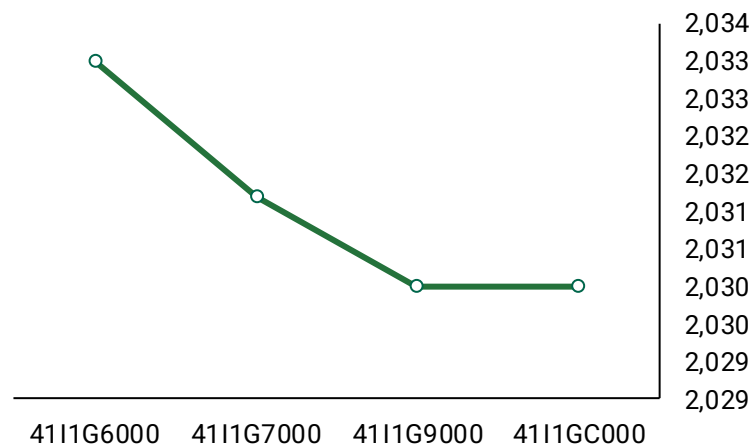
### Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



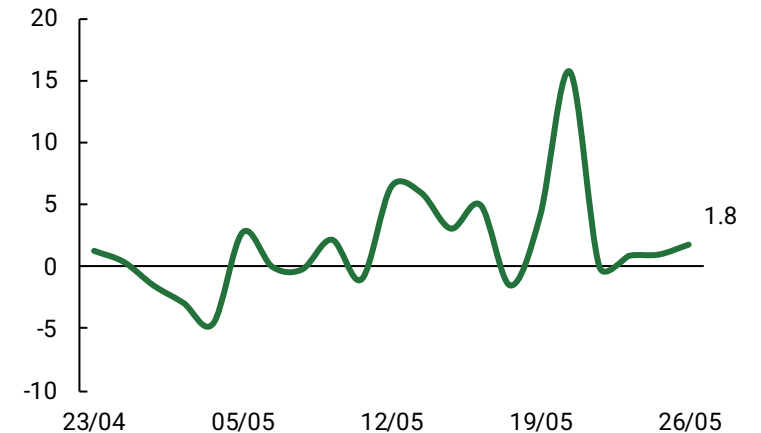
### Basis hợp đồng tương lai



### Đường cong hợp đồng tương lai



### VN30F1M – VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Iran phát tín hiệu về thời điểm mở lại eo biển Hormuz:** Mỹ và Iran đang thảo luận một kế hoạch theo đó eo biển Hormuz sẽ được mở lại khoảng 30 ngày sau khi hai bên đạt thỏa thuận chấm dứt xung đột, một nguồn tin ngoại giao Trung Đông nói với Nikkei Asia ngày 25/05.

**Mỹ tấn công tự vệ tại miền Nam Iran giữa lúc hai bên chuẩn bị đàm phán tại Qatar:** Bộ Tư lệnh Trung ương Mỹ (CENTCOM) cho biết quân đội nước này đã tiến hành các cuộc “tấn công tự vệ” nhằm vào bệ phóng tên lửa và tàu thuyền của Iran quanh eo biển Hormuz trong ngày 25/5, trong bối cảnh hai bên đang tiếp tục đàm phán nhằm chấm dứt chiến sự.

**Lần đầu tiên Việt Nam lọt Top 10 cường quốc sản xuất thép lớn nhất thế giới:** Trong tháng 4/2026, Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel) ước tính sản lượng thép thô (phôi thép) của Việt Nam đạt 2.1 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Với sản lượng này, Việt Nam đã vượt qua Italia để lọt Top 10 nước có nền công nghiệp thép lớn nhất. Lũy kế 4 tháng đầu năm, Việt Nam sản xuất 8.5 triệu tấn thép thô, tăng 8.4% so với cùng kỳ năm 2025.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**PDR - Phát Đạt ký MoU với Lotte tại dự án Thủ Thiêm Eco Smart City:** Sau nhiều năm đình trệ vì vướng pháp lý và nghĩa vụ tài chính, siêu dự án Thủ Thiêm Eco Smart City của Lotte tại trung tâm Thủ Thiêm bắt đầu xuất hiện tín hiệu mới khi Phát Đạt chính thức ký biên bản ghi nhớ hợp tác với đối tác Hàn Quốc. Gần đây, Phát Đạt đã xin ý kiến của cổ đông bằng văn bản về việc thông qua chủ trương đầu tư có giá trị dự kiến vượt 35% tổng tài sản doanh nghiệp (tương đương 9,310 tỷ đồng tại ngày 31/3/2026). Thời gian dự kiến thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tháng 6.

**VAB - VietABank sắp triển khai tăng vốn điều lệ đợt 1/2026 lên 9,388 tỷ đồng:** Ngân hàng sẽ tiến hành tăng vốn điều lệ đợt 1/2026 lên 9,388 tỷ đồng, tăng khoảng 1,224 tỷ đồng so với mức hiện tại 8,164 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ phát hành 122.45 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 15% với mệnh giá 10,000 đồng/cp, dự kiến giao dịch từ quý 2-3/2026. Phương án bao gồm chào bán thêm và chương trình ESOP cho nhân viên.

**F88 chốt ngày phát hành hơn 110 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông:** Ngày 4/6/2026, Đầu tư F88 sẽ chốt danh sách cổ đông để phát hành hơn 110 triệu cổ phiếu thưởng, tăng vốn điều lệ lên hơn 2,202 tỷ đồng. Phát hành dựa trên lợi nhuận chưa phân phối gần 477 tỷ đồng và thặng dư vốn cổ phần hơn 624 tỷ đồng. Báo cáo tài chính quý I/2026 cho thấy doanh thu F88 đạt 1,027 tỷ đồng, tăng 63.4% so với năm trước, trong đó doanh thu cầm đồ và bảo hiểm chiếm phần lớn.

**REE tăng vốn lên hơn 6,200 tỷ đồng sau đợt trả cổ tức:** Vào ngày 19/5, Cơ Điện Lạnh REE hoàn tất phát hành hơn 81.2 triệu cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ gần 5,416,6 tỷ đồng lên khoảng 6,229 tỷ đồng. Tỷ lệ thực hiện quyền 100:15, với cổ tức năm 2025 25% (10% tiền mặt, 15% cổ phiếu) đã được cổ đông thông qua tại ĐHĐCĐ 2026. Tổng giá trị phát hành gần 812.5 tỷ đồng, dự kiến chuyển giao trong tháng 6/2025. Công ty cũng thông báo ông Ashok Ramachandran từ chức Tổng Giám đốc.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	54,600	73,400	34.4%	Mua
CTG	35,250	45,200	28.2%	Mua
CTD	74,100	82,900	11.9%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,400	68,000	34.9%	Mua
DDV	26,107	35,900	37.5%	Mua
DGW	41,450	47,500	14.6%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,950	42,900	4.8%	Nắm giữ
DPR	41,650	46,500	11.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,834	17,200	24.3%	Mua
EVF	13,900	14,400	3.6%	Nắm giữ
FRT	130,200	157,600	21.0%	Mua
GMD	75,500	92,700	22.8%	Mua
HAH	54,100	60,300	11.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	23,500	34,000	44.7%	Mua
HHV	11,900	12,300	3.4%	Nắm giữ
HPG	24,250	30,700	26.6%	Mua
IMP	46,600	55,000	18.0%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,300	38,800	66.5%	Mua
MCH	131,800	177,200	34.4%	Mua
MWG	78,500	115,600	47.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,500	34,000	33.3%	Mua
NLG	26,600	39,900	50.0%	Mua
NT2	22,850	27,700	21.2%	Mua
PHR	68,100	72,800	6.9%	Nắm giữ
PNJ	65,200	75,500	15.8%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,500	39,900	3.6%	Nắm giữ
PVT	22,300	18,900	-15.2%	Bán
POW	13,650	15,000	9.9%	Nắm giữ
SAB	47,200	57,900	22.7%	Mua
SSI	28,000	32,100	14.6%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,050	50,900	3.8%	Nắm giữ
TCB	32,900	41,700	26.7%	Mua
TCM	21,350	35,300	65.3%	Mua
TRC	75,500	94,800	25.6%	Mua
VCB	64,400	84,200	30.7%	Mua
VPB	27,600	36,500	32.2%	Mua
VCG	20,750	26,200	26.3%	Mua
VHC	59,500	60,000	0.8%	Nắm giữ
VNM	59,100	66,650	12.8%	Tăng tỷ trọng

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801